

PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH THỦY SẢN

MÃ MÔN HỌC: 206420

GIẢNG VIÊN: TS. NGUYỄN THẢO SƯƠNG

TUẦN 4: 2021 NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (P1)

Chương III (LUẬT THỦY SẢN 2017) - NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Mục 1. GIỐNG THỦY SẢN

Điều 23. Quản lý giống thủy sản

1. Giống thủy sản trước khi lưu thông trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại VN
- b) Được công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy theo quy định;
- c) Có chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng;
- d) Được kiểm dịch theo quy định của pháp luật.

Số: 26/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2019

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT THỦY SẢN

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 10 Điều 10, điểm b khoản 3 Điều 13, khoản 4 Điều 16, khoản 5 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 23, Điều 24, khoản 5 Điều 25, khoản 5 Điều 27, khoản 4 Điều 28, khoản 2 Điều 32, khoản 5 Điều 34, khoản 6 Điều 35, khoản 5 Điều 36, khoản 5 Điều 38, khoản 3 Điều 39, khoản 3 Điều 40, khoản 1 Điều 48, điểm đ khoản 2 Điều 50, khoản 3 Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 7 Điều 56, điểm k khoản 2 Điều 57, khoản 4 Điều 64, khoản 4 Điều 66, khoản 2 Điều 68, điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 78, khoản 4 Điều 79, khoản 2 Điều 89, khoản 3 Điều 94, khoản 7 Điều 98, khoản 3 Điều 99 của Luật Thủy sản và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động thủy sản hoặc có liên quan đến hoạt động thủy sản trong nội địa, đảo, quần đảo và vùng biển của Việt Nam; tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động khai thác thủy sản ngoài vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nuôi trồng thủy sản thâm canh là nuôi trồng thủy sản trong điều kiện kiểm soát được quá trình tăng trưởng, sản lượng của loài thủy sản nuôi và sự tăng trưởng của loài thủy

k) Nghị định số 102/2012/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Kiểm ngư;

l) Nghị định số 57/2008/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý các Khu bảo tồn biển Việt Nam có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế;

m) Nghị định số 55/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra;

n) Những nội dung liên quan đến thức ăn thủy sản quy định tại Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản và Nghị định số 100/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản và Điều 3 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

o) Điều 15, 16, 17 và Điều 18 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

3. Nghị định này **bãi bỏ** các văn bản sau đây:

a) Chỉ thị số 22/2006/CT-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn cho hoạt động đánh bắt hải sản trên các vùng biển đặc biệt là đánh bắt xa bờ;

b) Quyết định số 57/2008/QĐ-BNN ngày 02 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh;

c) Thông tư số 01/2011/TT-BNN ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định sửa đổi, bổ sung danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục vụ và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 7 năm 2008;

d) Thông tư số 101/2008/TT-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm trang bị máy thu trực canh cho ngư dân;

đ) Thông tư số 26/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị đối với cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá;

e) Quyết định số 20/2006/QĐ-BTS ngày 01 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành Quy chế quản lý cảng cá, bến cá, khu neo đậu trú bão của tàu cá;

g) Chỉ thị số 05/2007/CT-BTS ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về tăng cường công tác tổ chức và hoạt động của thanh tra thủy sản;

h) Chỉ thị số 10/2005/CT-BTS ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ngăn chặn nghề cào bay và các hoạt động khai thác trái phép tại tuyến bờ, tuyến lộng;

i) Chỉ thị số 03/2006/CT-BTS ngày 27 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về

kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

5. Nội dung kiểm tra gồm:

- Kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp, cấp lại Giấy chứng nhận;
 - Kiểm tra thực tế tại địa điểm sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo quy định tại **Điều 23, khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản** và Điều 20 Nghị định này;
 - Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ trong sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo **khoản 2 Điều 26 Luật Thủy sản**.
6. Thời gian kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản là 12 tháng; trường hợp cơ sở đã được tổ chức đánh giá, cấp giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn, thời gian kiểm tra duy trì điều kiện là 24 tháng.
7. Khi phát hiện cơ sở vi phạm một trong các trường hợp quy định tại **khoản 4 Điều 25 Luật Thủy sản**, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm và ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 22. Nhập khẩu giống thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhập khẩu giống thủy sản chưa có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam quy định tại **Phụ lục VIII** ban hành kèm theo Nghị định này đề nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm phải được Tổng cục Thủy sản cấp phép.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu giống thủy sản gồm:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 05.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;
- Ảnh chụp hoặc bản vẽ mô tả loài thủy sản đăng ký nhập khẩu kèm theo tên tiếng Việt, tên khoa học, tên tiếng Anh (nếu có);
- Đề cương nghiên cứu đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ (đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu khoa học);
- Tài liệu chứng minh về việc tham gia hội chợ, triển lãm; phương án xử lý loài thủy sản sau khi hội chợ, triển lãm kết thúc (đối với trường hợp nhập khẩu để trưng bày tại hội chợ, triển lãm).

3. Trình tự cấp phép nhập khẩu giống thủy sản như sau:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhập khẩu giống thủy sản theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi hồ sơ đến Tổng cục Thủy sản;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tổng cục Thủy sản tổ chức thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 06.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phép nhập khẩu phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do;
- Tổng cục Thủy sản thực hiện giám sát hoặc có văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi thực hiện nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm thực hiện giám sát.



Phụ lục VIII DANH MỤC LOÀI THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH TẠI VIỆT NAM (Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ)

I. CÁC LOÀI CÁ

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
1	Cá ali	<i>Sciaenochromis ahli</i>
2	Cá anh vũ	<i>Semilabeo notabilis</i>
3	Cá ba lưởi	<i>Barbichthys laevis</i>
4	Cá ba sa	<i>Pangasius bocourti</i>
5	Cá bả trầu	<i>Trichopsis vittata</i>
6	Cá bạc đầu	<i>Aplocheilichthys panchax</i>
7	Cá bánh lái/Cá cánh bướm	<i>Gymnocorymbus ternetzi</i>
8	Cá bảy màu/Cá khổng tước	<i>Poecilia reticulata</i>
9	Cá bẹ quýt/Cá bẹ vầu/Cá khế vẩy vàng	<i>Caranx ignobilis</i>
10	Cá bò	<i>Tachysurus fulvidraco</i>
11	Cá bơn cát	<i>Cynoglossus robustus</i>
12	Cá bơn mào	<i>Samaris cristatus</i>
13	Cá bơn ngộ	<i>Psettodes erumei</i>
14	Cá bơn vằn răng to	<i>Pseudorhombus arsius</i>
15	Cá bơn vi	<i>Paralichthys olivaceus</i>

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giống thủy sản; quy định về thời hạn sử dụng giống thủy sản bố mẹ; trình Chính phủ ban hành Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam;

b) **Hướng dẫn kiểm tra về điều kiện** của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; **chất lượng** giống thủy sản trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật này và pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa; **quy định trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp kỹ thuật xử lý vi phạm** chất lượng giống thủy sản; **hướng dẫn cập nhật thông tin** giống thủy sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

Điều 24. Điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống TS

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống thủy sản được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất phù hợp với loài thủy sản; có nơi cách ly theo dõi sức khỏe giống thủy sản mới nhập;

b) Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học;

c) Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học;

d) Trường hợp sản xuất giống thủy sản bố mẹ phải có giống thủy sản thuần chủng hoặc giống thủy sản được công nhận thông qua khảo nghiệm hoặc kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Tổ chức, cá nhân ương dưỡng giống thủy sản được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện khi đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

Điều 25. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống TS

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐK sản xuất, ương dưỡng giống TS được quy định như sau:

a) **Bộ NN&PTNT** cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐK SX, ương dưỡng giống TS đối với **giống TS bố mẹ**;

b) **UBND cấp tỉnh** cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐK SX, ương dưỡng **giống TS trên địa bàn**, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.



SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PTNT NINH THUẬN
DEPARTMENT OF AGRICULTURE
AND RURAL DEVELOPMENT NINH THUẬN
CHI CỤC THỦY SẢN
BRANCH OF FISHERIES

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản
Eligibility for producers, nursing and rearing aquatic seeds
Số/No: GTS580079

Tên cơ sở/Company name: CÔNG TY TNHH GIỐNG THỦY SẢN SIÊU VIỆT NINH THUẬN

Địa chỉ trụ sở/Address of Head Office: Hòa Thạnh, An Hải, Ninh Phước, Ninh Thuận

Số điện thoại/Tel: 0919 528 039 Fax:

Địa chỉ sản xuất/Address of Factory: Lô 10, Hòa Thạnh, An Hải, Ninh Phước, Ninh Thuận

Số điện thoại/Tel: 0919 528 039 Fax:

Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng:

Has been certified the eligible producers, nursing and rearing aquatic seeds:

Giống tôm chân trắng/of white leg shrimp (*Penaeus vannamei*) và tôm sú/tiger shrimp (*Penaeus monodon*)

Hiệu lực Giấy chứng nhận/Validity of Certificate: Không thời hạn/Indefinite

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 5 năm 2020

Ninh Thuận, DD/MM/YY

CHI CỤC TRƯỞNG

MANAGER. CHI CỤC TRƯỞNG

ĐÓNG CHỮ CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC

THỦY SẢN

Dư Ngọc Tuấn

2. **Cơ quan có thẩm quyền cấp** Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐKSX, ương dưỡng giống TS thực hiện **kiểm tra duy trì điều kiện của cơ sở**.

3. **Cấp lại Giấy chứng nhận** cơ sở đủ ĐKSX, ương dưỡng giống TS khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) **Bị mất, hư hỏng;**

b) **Thay đổi thông tin** của tổ chức, cá nhân trong giấy chứng nhận.

4. Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐKSX, ương dưỡng giống TS bị **thu hồi** khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị **tẩy, xóa, sửa chữa nội dung** của giấy chứng nhận;

b) Cơ sở **không còn đủ điều kiện** theo quy định tại Điều 24 của Luật này;

c) Cơ sở **có hành vi vi phạm khác** mà pháp luật quy định phải thu hồi giấy chứng nhận.

5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thời gian kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở SX, ương dưỡng giống TS; nội dung, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐKSX, ương dưỡng giống TS.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân SX, ương dưỡng giống TS

1. Tổ chức, cá nhân SX, ương dưỡng giống TS có quyền sau đây:
 - a) Sản xuất, ương dưỡng giống TS theo nội dung của Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐKSX, ương dưỡng giống TS;
 - b) Được tham gia tập huấn về quy định liên quan đến giống TS;
 - c) Quảng cáo giống TS theo quy định của pháp luật về quảng cáo;
 - d) Khiếu nại, tố cáo, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản có nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng giống thủy sản đã công bố;

b) Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng để bảo đảm chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã công bố;

c) Sản xuất giống thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam; bảo đảm an toàn sinh học trong quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;

d) Thực hiện ghi nhãn giống thủy sản theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa;

đ) Cập nhật thông tin, báo cáo trong quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản theo quy định;

e) Thực hiện ghi chép, lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phục vụ truy xuất nguồn gốc;

g) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

h) Tuân thủ quy định về thời hạn sử dụng giống thủy sản bố mẹ.

Điều 27. Nhập khẩu, xuất khẩu giống thủy sản

1. Giống thủy sản nhập khẩu phải được kiểm tra chất lượng theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân được nhập khẩu giống thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam; trường hợp nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép.

3. Tổ chức, cá nhân được xuất khẩu giống TS trong các trường hợp sau đây:

a) Không có tên trong Danh mục loài TS cấm xuất khẩu;

b) Đáp ứng điều kiện trong Danh mục loài TS XK có điều kiện;

c) Trường hợp vì mục đích nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế cần XK giống TS có tên trong Danh mục loài TS cấm XK hoặc Danh mục loài TS XK có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện phải được Bộ NN & PTNT cấp phép trên cơ sở chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

4. **Bộ NN & PTNT** xem xét, quyết định kiểm tra hệ thống quản lý, sản xuất giống TS tại nước xuất khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước CHXH CN Việt Nam là thành viên trong trường hợp sau đây:

- a) Đánh giá để thừa nhận lẫn nhau;
- b) Phát hiện nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng, môi trường, an toàn sinh học đối với giống thủy sản nhập khẩu vào Việt Nam.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Khảo nghiệm giống thủy sản

1. Giống TS phải được khảo nghiệm trong TH sau đây:

a) Giống TS lần đầu được tạo ra trong nước thông qua việc chọn, lai, thụ tinh hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật khác, trừ giống TS được tạo ra từ kết quả nhiệm vụ KH & CN đã được công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Giống TS nhập khẩu để đưa vào sản xuất, kinh doanh **chưa** có tên trong Danh mục loài TS được phép kinh doanh tại Việt Nam.

2. Cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có ít nhất hai nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học;
- b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với loài thủy sản khảo nghiệm;
- c) Đáp ứng điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường.

3. Cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Được tham gia vào hoạt động khảo nghiệm giống thủy sản theo quy định của pháp luật;
- b) Được thanh toán chi phí khảo nghiệm theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo nghiệm;
- c) Từ chối cung cấp thông tin liên quan đến kết quả khảo nghiệm giống thủy sản cho bên thứ ba, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả khảo nghiệm;

đ) Bảo đảm an toàn sinh học, bảo vệ môi trường trong quá trình khảo nghiệm;

e) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này; quy định việc đặt tên giống, nội dung, trình tự, thủ tục khảo nghiệm giống thủy sản.

Điều 29. Kiểm định giống thủy sản

1. Giống thủy sản được kiểm định trong trường hợp sau đây:

- a) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong trường hợp có khiếu nại, tố cáo.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản đủ điều kiện kiểm định giống thủy sản.

3. Cơ sở thực hiện việc kiểm định giống TS có quyền và nghĩa vụ:

a) Được tham gia vào hoạt động kiểm định giống TS theo quy định của PL;

b) Được thanh toán chi phí kiểm định theo quy định;

c) Từ chối cung cấp thông tin liên quan đến kết quả kiểm định giống TS cho bên thứ ba, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định;

đ) Bảo đảm ATSH, bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm định.

Điều 30. Nhãn, hồ sơ vận chuyển giống thủy sản

1. Giống thủy sản khi vận chuyển phải ghi nhãn theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.
2. Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển giống thủy sản phải có hồ sơ về chất lượng, kiểm dịch giống thủy sản theo quy định của pháp luật.

Mục 2. THỨC ĂN TS, SP XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NTTS

Điều 31. Quản lý thức ăn TS, SP xử lý môi trường NTTS

1. Thức ăn TS, SP xử lý MT NTTS trước khi lưu thông trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy theo quy định;
- b) Có chất lượng phù hợp tiêu chuẩn đã được công bố áp dụng;
- c) Thông tin về sản phẩm đã được gửi đến Bộ NN & PTNT theo quy định.

2. Bộ trưởng Bộ NN & PTNT có trách nhiệm sau đây:

- a) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;
- b) Ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

c) Ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, nguyên liệu sản xuất thức ăn được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam căn cứ kết quả khảo nghiệm hoặc kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được công nhận hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc kết quả rà soát, điều tra, đánh giá thực tiễn;

d) **Hướng dẫn kiểm tra** về điều kiện cơ sở sản xuất, mua bán, nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật này và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; **quy định trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp kỹ thuật** để xử lý thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản vi phạm quy định về chất lượng;

đ) Quy định chi tiết điểm c khoản 1 Điều này; quy định việc đặt tên, sai số cho phép trong phân tích chất lượng, chỉ tiêu kỹ thuật phải công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng của thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

Điều 32. Điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Địa điểm sản xuất nằm trong khu vực **không bị ô nhiễm** bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại;
- b) Khu sản xuất **có tường, rào ngăn cách** với bên ngoài;
- c) **Nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp** với từng loại sản phẩm;

- d) Có điều kiện phân tích chất lượng trong quá trình sản xuất;
- đ) Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học;
- e) Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm.

1. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 33. Điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu TATS, SP xử lý MT NTTS

Cơ sở mua bán, nhập khẩu TATS, SP xử lý MT NTTS phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Nơi bày bán, nơi bảo quản cách biệt với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất độc hại;
2. Có thiết bị, dụng cụ để bảo quản thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo hướng dẫn của nhà sản xuất, nhà cung cấp.

Điều 34. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện SX TATS, SP xử lý MT NTTS

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐK SX thức ăn TS, SP xử lý MT NTTS được quy định như sau:

a) **Bộ NN & PTNT** cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐK SX thức ăn TS, SP xử lý MT NTTS đối với **nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;**

b) UBND cấp tỉnh cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện SX thức ăn TS, sản phẩm xử lý môi trường NTTS trên địa bàn, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản thực hiện kiểm tra duy trì điều kiện của cơ sở.

3. Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐK SX TA TS , SP xử lý MT NTTS được cấp lại trong trường hợp sau đây;

a) Bị mất, hư hỏng;

b) Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân trong GCN.

4. Giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐK SX thức ăn TS, sản phẩm xử lý MT NTTS bị thu hồi trong trường hợp sau đây:

a) Bị tẩy, xóa, sửa chữa nội dung của giấy chứng nhận;

b) Cơ sở không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật này;

c) Cơ sở có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải thu hồi giấy chứng nhận.

5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu TA TS, SP xử lý môi trường NTTS; nội dung, thời gian kiểm tra duy trì điều kiện; nội dung, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện SX thức ăn TS, sản phẩm xử lý MT NTTS.

Điều 35. Khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản phải được khảo nghiệm trong trường hợp có hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản không có tên trong danh mục quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 31 của Luật này.

2. Cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có **nhân viên kỹ thuật** trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học;
- b) Có **cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp** với việc khảo nghiệm thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;
- c) **Đáp ứng điều kiện** về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường.

3. Nội dung khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản như sau:

- a) Phân tích thành phần, chất lượng sản phẩm;
- b) Đánh giá đặc tính, công dụng của sản phẩm;
- c) Đánh giá độc tính, độ an toàn đối với thủy sản nuôi trồng, môi trường và người sử dụng;
- d) Nội dung khác theo đặc thù của từng sản phẩm.

4. Cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Được tham gia vào hoạt động khảo nghiệm theo quy định của pháp luật;
- b) Được thanh toán chi phí khảo nghiệm theo quy định;
- c) Từ chối cung cấp thông tin liên quan đến kết quả khảo nghiệm cho bên thứ ba, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
- d) Chịu trách nhiệm về kết quả khảo nghiệm;

đ) Bảo đảm an toàn sinh học, bảo vệ môi trường trong quá trình khảo nghiệm;

e) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát hoạt động khảo nghiệm trên địa bàn.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này; quy định trình tự, thủ tục khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Điều 36. Nhập khẩu, XK thức ăn TS, SP xử lý MT NTTS

1. Thức ăn TS, SP xử lý MT NTTS khi NK phải được **KT chất lượng**.
2. Tổ chức, cá nhân được NK thức ăn TS, SP xử lý MT NTTS có hóa chất, CPSH, VSV, nguyên liệu SX thức ăn TS thuộc Danh mục hóa chất, CPSH, VSV, nguyên liệu SX thức ăn được phép sử dụng trong NTTS tại VN; trường hợp NK thức ăn TS, SP xử lý MT NTTS có hóa chất, CPSH, VSV, nguyên liệu SX thức ăn TS không thuộc danh mục quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 31 của Luật này để khảo nghiệm, NCKH, trưng bày tại hội chợ, triển lãm **phải được Bộ NN & PTNT cấp phép**.

3. Thức ăn TS, SP xử lý MT NTTS **khi XK** phải đáp ứng **yêu cầu của PL nước NK và PL Việt Nam.**

4. Bộ NN & PTNT xem xét, quyết định kiểm tra hệ thống quản lý, SX thức ăn TS, SP xử lý môi trường NTTS tại nước XK theo quy định của PL Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước CHXHCN VN là thành viên trong trường hợp sau đây:

- a) Đánh giá để thừa nhận lẫn nhau;
- b) Phát hiện nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng, ATTP, an toàn dịch bệnh, MT đối với SP nhập khẩu vào Việt Nam.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 37. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân SX, mua bán, NK, sử dụng TATS, SP xử lý MT NTTS

1. Tổ chức, cá nhân SX thức ăn TS, SP xử lý môi trường NTTS có nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- b) Thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng; công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo quy định;

c) Thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa; ghi chép, lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc;

d) Chịu trách nhiệm trước PL về chất lượng SP do mình SX; xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy SP không bảo đảm CL theo quy định của PL; bồi thường thiệt hại gây ra cho người mua, người NTTS;

đ) Gửi thông tin SP đến Bộ NN & PTNT theo quy định trước khi lưu thông sản phẩm trên TT;

e) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của PL.

2. Tổ chức, cá nhân mua bán, nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có nghĩa vụ sau đây:

a) **Kiểm tra** nguồn gốc xuất xứ, thời hạn sử dụng, độ nguyên vẹn của sản phẩm; dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy nếu có;

b) **Thực hiện biện pháp bảo quản chất lượng** sản phẩm theo hướng dẫn của nhà sản xuất nhằm duy trì chất lượng sản phẩm;

c) **Gửi thông tin về sản phẩm** khi nhập khẩu lần đầu đến Bộ NN & PTNT theo quy định trước khi lưu thông sản phẩm trên thị trường và thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng;

d) **Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra** về điều kiện cơ sở, chất lượng sản phẩm theo quy định của pháp luật; xử lý, thu hồi, tiêu hủy sản phẩm vi phạm chất lượng, an toàn thực phẩm, bồi thường thiệt hại gây ra cho người nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng thức ăn thủy sản, SP xử lý MT NTTS có nghĩa vụ sau đây:

a) **Tuân thủ các quy định** của pháp luật và hướng dẫn của nhà cung cấp, nhà sản xuất sản phẩm liên quan đến vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng SP;

b) **Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra** về chất lượng SP của cơ quan quản lý nhà nước về TS; tiêu hủy thức ăn TS, sản phẩm xử lý môi trường NTTS và thủy sản nuôi trồng không bảo đảm về chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật